

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2192/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 11 - 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Lang

2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 740/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 620/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 502/2023/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc Hoàng N

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố H.

- Bị đơn: Bà Dương Thị Hồ N1

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Ngọc Hoàng N trình bày: Ông và bà N1 do quen biết tìm hiểu nhau sau đó có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UNND Phường L, Quận T, Thành phố H. Sau một thời gian sinh sống hạnh phúc khoảng 15 năm sau đó thì giữa ông, bà xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do áp lực công việc, cách nuôi dạy con nên cả hai hay gây gổ tranh cãi nhau. Nhiều lần hòa giải nhưng không được nên vào năm 2021 ông đã có nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà N1 sau đó có rút đơn về

nhưng giữa hai ông, bà cũng không tìm được tiếng nói chung. Nay ông lại nộp đơn khởi kiện gì tình cảm dành cho bà N1 không còn ông bà cũng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Dương Thị Hồ N1.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Ngọc Nam K, sinh ngày 08/3/2006 và Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 01/5/2016. Ông N trực tiếp nuôi cháu K và bà N1 trực tiếp nuôi cháu A và không có yêu cầu cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi các con trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N cũng khẳng định rằng từ trước đến nay mâu thuẫn của ông và bà N1 rất nhiều nhưng chưa từng ra chính quyền địa phương lập biên bản nào.

Bị đơn bà Dương Thị Hồ N1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà N1 nhưng bà N1 vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt bà Dương Thị Hồ N1 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Ngọc Hoàng N có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn ông vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu ông là người trực tiếp nuôi trẻ K và bà N1 trực tiếp nuôi trẻ A và không có yêu cầu cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi các con trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà N1 dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án theo đúng quy định, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc Hoàng N; giao trẻ Lê Ngọc Nam K, sinh ngày 08/3/2006 cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao trẻ Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 01/5/2016 cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của ông Lê Ngọc Hoàng N thì đây là vụ án về tranh chấp ly hôn. Hiện nay, theo xác minh của Công an Phường A, quận B đã xác minh “ Bà Dương Thị Hồ N1 có HKTT Phường A, Quận B, Thành phố H hiện đang cư trú tại Phường L, Quận T, Thành phố H” nhưng khi Tòa án tiến hành xác minh tại Công an Phường L, Quận T xác minh “Đ/s Dương Thị Hồ N1, sinh năm 1980 không có đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại địa chỉ Phường L, Quận T” nhưng ông N đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú theo địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”, do bà N1 thay đổi nơi cư trú mà không thông báo thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 09 Quyền số 1 ngày 24/01/2005 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận T, Thành phố H cấp, cùng lời khai của ông N về việc các đương sự tự nguyện kết hôn, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông N và bà N1 là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông N cho rằng trong quá trình chung sống cuộc sống hôn nhân giữa ông bà hạnh phúc khoảng 15 năm sau đó thì giữa ông, bà xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do áp lực công việc, cách nuôi dạy con nên cả hai hay gây gổ tranh cãi nhau. Nhiều lần hòa giải nhưng không được nên vào năm 2021 ông N đã có nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà N1 sau đó có rút đơn về nhưng giữa hai ông, bà cũng không tìm được tiếng nói chung. Nay ông N thấy tình cảm dành cho bà N1 đã hết ông và bà N1 đã ly thân gần 02 năm nay, bà N1 cũng đã bỏ về nhà mẹ ruột của bà để sống, giữa ông bà không còn liên lạc với nhau, không quan tâm chia sẻ với nhau. Qua lời trình bày cũng như những chứng cứ đương sự đã cung cấp. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Ông N và bà N1 là hôn nhân hợp pháp nhưng bà N1 lại không quan tâm chia sẻ chăm sóc nhau, ông N khẳng định tình cảm dành cho bà N1 đã không còn đã hai lần nộp đơn xin ly hôn đều đó cho thấy sự kiên quyết của ông N đối với cuộc hôn nhân này đã hết. Tòa án cũng đã nhiều lần mời bà N1 đến để hòa giải tìm cách hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông bà, nhưng bà N1 lại không đến, cho thấy bà N1 không muốn tìm cách hàn gắn cuộc hôn nhân này. Càng cho thấy ông, bà cũng không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm tổn thương

tình cảm của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông N yêu cầu được ly hôn với bà N1 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Lê Ngọc Nam K, sinh ngày 08/3/2006 và Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 01/5/2016. Ông N yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ K và bà N1 trực tiếp nuôi trẻ A và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các con trưởng thành. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng trẻ K hiện đang sống cùng ông N và khi trẻ đến ghi khai cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng ông N còn trẻ A cho rằng đang sống cùng mẹ và mong muốn tiếp tục sống cùng mẹ nên đối với yêu cầu của ông N cùng nguyện vọng của các trẻ là phù hợp. Ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các đương sự đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông N khai không có và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà N1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng ông Lê Ngọc Hoàng N phải chịu (theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc Hoàng N về yêu cầu xin ly hôn với bà Dương Thị Hồ N1.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc Hoàng N được ly hôn với bà Dương Thị Hồ N1 (giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 Quyền số 1 ngày 24/01/2005 tại Ủy ban nhân dân Phường L, Quận T, Thành phố H cấp hết hiệu lực).

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Lê Ngọc Nam K, sinh ngày 08/3/2006 và Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 01/5/2016, giao trẻ K cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao trẻ A cho bà N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các đương sự đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông N khai không có và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà N1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng ông Lê Ngọc Hoàng N phải chịu nhưng được cản trừ án phí ly hôn vào tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0027620 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố H.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường 1, Quận 10, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh